

HƯỚNG DẪN VỀ MỨC NGHÈO LIÊN BANG (FEDERAL POVERTY LEVEL, FPL)

Quý vị có thể đủ điều kiện nhận Hỗ trợ tài chính dựa trên thu nhập và quy mô gia đình đối với phần trách nhiệm phải chi trả trong hóa đơn, ngay cả khi quý vị có bảo hiểm y tế. Hỗ trợ tài chính được trao cho bệnh nhân/người bảo lãnh có tổng thu nhập gia đình nằm trong một phạm vi nhất định của FPL.

- **Nếu dịch vụ được cung cấp trước ngày 1 Tháng Bảy, 2022:**
 - Mức hỗ trợ toàn phần lên tới 300% FPL và được điều chỉnh theo quy mô gia đình.

| Mức nghèo Liên bang | % Hỗ trợ tài chính | Trách nhiệm của bệnh nhân |
|---------------------|--------------------|---------------------------|
| 0% - 300% | 100% | 0% |

- **Nếu dịch vụ được cung cấp vào hoặc sau ngày 1 Tháng Bảy, 2022:**
 - Mức hỗ trợ toàn phần lên tới 300% FPL và được điều chỉnh theo quy mô gia đình.
 - Các khoản trợ cấp một phần 301% - 400% FPL, được điều chỉnh theo quy mô gia đình dựa trên ngày xuất viện \geq Ngày 1 Tháng Bảy, 2022.

| Mức nghèo Liên bang | % Hỗ trợ tài chính | Trách nhiệm của bệnh nhân |
|---------------------|--------------------|---------------------------|
| 0% - 300% | 100% | 0% |
| 301 - 350% | 75% | 25% |
| 351 - 400% | 50% | 50% |

Quy mô gia đình lớn hơn một thành viên đề cập đến những người có quan hệ huyết thống, hôn nhân, hoặc nhận con nuôi sống cùng nhau; tất cả những đối tượng có tính liên đới như vậy được xem là thành viên của một gia đình. Khi hoàn tất đơn xin Hỗ Trợ Tài Chính (Financial Assistance application), quý vị sẽ cần phải nộp thông tin chứng minh sự bao gồm của các thành viên gia đình.

Để được trợ giúp, vui lòng liên hệ với Bộ phận Tư vấn Tài chính (Financial Counseling Department) của Fred Hutchinson Cancer Center được ghi trên Đơn Xin Hỗ Trợ Tài Chính hoặc Bản Tóm Tắt Bằng Ngôn Ngữ Đơn Giản (Plain Language Summary) để được trợ giúp.

| Quy mô gia đình | PHẠM VI TỔNG THU NHẬP | | | | | |
|-----------------|-----------------------|---------------------|---------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Bảng FPL hàng tháng | | | Bảng FPL hàng năm | | |
| | 0 – 300% | 301 – 350% | 351 – 400% | 0 – 300% | 301 – 350% | 351 – 400% |
| 1 | \$3,913 | \$3,914 - \$4,565 | \$4,566 - \$5,217 | \$46,950 | \$46,951 - \$54,775 | \$54,776 - \$62,600 |
| 2 | \$5,288 | \$5,289 - \$6,169 | \$6,170 - \$7,050 | \$63,450 | \$63,451 - \$74,025 | \$74,026 - \$84,600 |
| 3 | \$6,663 | \$6,664 - \$7,773 | \$7,774 - \$8,883 | \$79,950 | \$79,951 - \$93,275 | \$93,276 - \$106,600 |
| 4 | \$8,038 | \$8,039 - \$9,377 | \$9,378 - \$10,717 | \$96,450 | \$96,451 - \$112,525 | \$112,526 - \$128,600 |
| 5 | \$9,413 | \$9,414 - \$10,981 | \$10,981 - \$12,550 | \$112,950 | \$112,951 - \$131,775 | \$131,776 - \$150,600 |
| 6 | \$10,788 | \$10,789 - \$12,585 | \$12,586 - \$14,383 | \$129,450 | \$129,451 - \$151,025 | \$151,026 - \$172,600 |
| 7 | \$12,163 | \$12,164 - \$14,190 | \$14,191 - \$16,217 | \$145,950 | \$145,951 - \$170,275 | \$170,276 - \$194,600 |
| 8 | \$13,538 | \$13,539 - \$15,794 | \$15,795 - \$18,050 | \$162,450 | \$162,451 - \$189,525 | \$189,526 - \$216,600 |
| 9 | \$14,913 | \$14,914 - \$17,398 | \$17,399 - \$19,883 | \$178,950 | \$178,951 - \$208,775 | \$208,776 - \$238,600 |
| 10 | \$16,288 | \$16,289 - \$19,002 | \$19,003 - \$21,717 | \$195,450 | \$195,451 - \$228,025 | \$228,026 - \$260,600 |

Có hiệu lực: Ngày 2/1/2025